

Vì sao du lịch lại là yếu tố quan trọng trong bảo tồn Đa dạng sinh học

ThS. Annalisa Koeman (BSc Hons Geog, MEMD)

Sustainable Tourism Advisor, IUCN Vietnam

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đầu năm nay, tại Hội nghị các Bên tham gia Công ước *ĐDSH* tại Bratislava, Bộ Môi trường, Bảo tồn thiên nhiên và An toàn Hạt nhân Liên bang Đức đã đệ trình tại hội nghị báo cáo của Liên bang trong đó có đề xuất để Hội nghị các Bên tham gia quyết định xây dựng " Hướng dẫn toàn cầu về *ĐDSH* và Du lịch bền vững".

Đây là lần đầu tiên du lịch được chính thức đưa vào chương trình nghị sự của Công ước *ĐDSH*. Du lịch đã kích động cuộc tranh cãi đáng kể giữa các chính phủ và các quan sát viên của các NGO, phần lớn là do thiếu đề xuất về xem xét các nhóm dân tộc bản xứ và các giải pháp dựa vào cộng đồng đối với du lịch và các vấn đề *ĐDSH*. Vấn đề du lịch được đề cập lại trong cuộc họp tới đây của Cơ quan chuyên môn của Công ước *ĐDSH* về Hướng dẫn Khoa học, Kỹ thuật và Công nghệ vào tháng 5 năm 1999.

Vì sao lại đưa du lịch vào công ước *ĐDSH* ? các chủ đầu tư tin rằng Công ước *ĐDSH* sẽ là một phương tiện đầy hứa hẹn để đưa ra áp dụng hướng dẫn du lịch toàn cầu và làm cho ngành công nghiệp du lịch hành động theo cách có trách nhiệm với môi trường hơn, bởi vì:

- Công ước có 175 Bên ký kết;
- công ước giải quyết rõ ràng các vấn đề sử dụng bền vững *ĐDSH* (trong đó du lịch là một mục đích sử dụng);
- công ước có bốn phân pháp lý đối với các bên ký kết tuân thủ các điều và các khoản quy định được thương lượng;
- công ước là một trong số ít các quy trình có được sự xác nhận của cấp chính phủ với phạm vi rộng và sức mạnh pháp lý để lôi cuốn sự tham gia của các nhóm người dân bản xứ (Johnston,A,1998).

Đối với điểm cuối cùng cần có giải thích đôi chút. Điều 8(j) của Công ước *ĐDSH* đòi hỏi các chính phủ bảo vệ và khuyến khích các hệ thống tri thức bản địa phục vụ cho bảo tồn và sử dụng bền vững *ĐDSH*. Tri thức bản địa này có thể và cần phải lập luận là, một bộ phận cốt yếu trong kinh nghiệm du lịch sinh thái. Nhiều dân tộc bản xứ sống trong hoặc gần các khu bảo tồn và vì vậy, bất kỳ một sáng kiến bảo tồn nào- nh du lịch sinh thái cần được xem xét- đều nên đưa vào.

Tuy nhiên, đa số các thông hợp cho đến nay khi mà người dân bản xứ được lôi cuốn vào hoạt động du lịch, họ bị bóc lột (do những cám dỗ của du lịch) và chỉ nhận được các lợi ích ít ỏi. Về vấn đề này, sự tăng trưởng và phổ biến du lịch sinh thái hay du lịch tại các khu bảo tồn chỉ là mối lo ngại, bởi các tác động tiềm tàng đến ĐDSH và mối đe dọa đối với các nền văn hoá bản địa và các nguồn tài nguyên truyền thống khác.

Hy vọng là, bằng việc đa du lịch vào Công Ốc ĐDSH và xây dựng các tiêu chuẩn môi trường và kiểm soát đối với ngành du lịch tuân thủ với (quản lý bên cung hơn là quản lý bên cầu), có thể biến du lịch sinh thái thành một công cụ đích thực cho công tác bảo tồn bằng nhiều cách khác nhau, trong đó có lôi cuốn các cộng đồng địa phương và bản xứ cùng tham gia.

Nói một cách khác, sự thành công của các nỗ lực bảo tồn và bảo vệ ĐDSH còn tùy thuộc vào việc lôi cuốn các dân tộc bản xứ địa phương cùng tham gia, trong đó thành công của du lịch sinh thái là một lực tích cực cho công tác bảo tồn, và quá trình phát triển kinh tế-xã hội cũng phụ thuộc vào quá trình lôi cuốn các dân tộc bản xứ địa phương.

Một số mục dới đây trích từ dự thảo đề xuất này. Các bạn có thể đọc trong địa chỉ website dới đây:

<http://www.mtnforum.org/mtnforum/archives/reportspubs/library/gfme97a.htm>

1. Ý nghĩa quan trọng của du lịch

- Du lịch là một trong những ngành kinh tế tăng trưởng nhanh nhất trên thế giới;
- Du lịch chiếm 10% sản lượng ròng thực tế của Thế giới;
- Đối với nhiều nước và các quốc gia đảo, du lịch là ngành kinh tế lớn nhất trong đó các nước này phụ thuộc để phát triển nhiều ngành kinh tế khác của mình;
- Du lịch quốc tế đã tăng 25 lần từ năm 1950 đến 1997 (tới 617 triệu khách du lịch);
- Nếu các xu thế này vẫn tiếp tục, cứ 20 năm nữa thì du lịch sẽ tăng gấp đôi;
- NHƯNG, không thể quên về cấu thành của du lịch quốc tế- hiện tại vẫn bị Châu Âu và Bắc Mỹ chi phối- nhng đang trải qua mức tăng trưởng đáng kể về số lượng du khách từ châu á (và các du khách châu á đi du lịch trong khu vực);
- Hơn nữa, chúng ta không được quên du lịch trong nước- càng ngày càng có nhiều người đi du lịch trong nước mình. Thị trường du lịch trong nước của các nước châu á rất tiềm tàng, khi xét đến số dân đông của các nước này. Việt Nam không phải ngoại lệ;
- Các mô hình du lịch đang ngày càng đa dạng, các hoạt động du lịch mới đang được phổ biến, ví dụ nhu cầu tăng lên đối với việc giải trí tại các khu vực thiên nhiên, nh trèo núi, bơi xuồng calac, lặn, tàu lượn, ăn ở trên tuyết... thường là ở các khu vực nhạy cảm và mỏng manh;
- Du lịch định hướng thiên nhiên đã tăng trưởng hơn bất kỳ ngành nào khác;

- Do vậy, du lịch đã tiến sâu vào các vùng xa và đến nay tiến vào các khu vực thiên nhiên cha có ai động đến;
- Mức tăng trưởng về số lượng các cơ sở du lịch quy mô lớn và các thế giới giải trí nhân tạo, nh các khu vờn ngày nghỉ, các vùng biển, các sân gôn, các khu nghỉ ngơi, các thế giới tiêu khiển và vùng nớc, các công viên văn hoá... thờng nằm trong hay ở gần các khu vực cảnh quan hấp dẫn và các hệ sinh thái nhạy cảm;
- Ngày càng coi trọng đến 'du lịch sinh thái' và 'du lịch bền vững dựa vào cộng đồng'- nhận thức ngày càng tăng của bên cung, nghĩa là dựa vào cộng đồng, các mô hình phát triển du lịch tạo ra tiềm năng lớn cho công tác bảo tồn ĐDSH .

2. Sự phụ thuộc của Du lịch đối với ĐDSH

ĐDSH là cơ sở chủ yếu cho nhiều hoạt động du lịch.

Du lịch phụ thuộc vào môi trường sạch. Càng ngày có nhiều du khách chỉ tìm kiếm các môi trường thiên nhiên không bị phá huỷ và các cảnh đẹp thiên nhiên ngoạn mục.

Ngoài các điểm du lịch truyền thống, nh các vùng bờ biển, các hồ và các núi, càng ngày càng có nhiều khu vực thiên nhiên đặc biệt hấp dẫn và bất thờng đã được phát triển phục vụ du lịch, ví dụ các dãy núi cao và dải băng hà, các đồng cỏ và các bãi hoang mạc, các thủy vực thiên nhiên hay các rạn san hô. Ngay cả những khu vực xa xôi khó đi lại, nh các rừng ma nhiệt đới, Nam cực và Bắc cực đang mở ra cho các du khách a mạo hiểm.

Đôi khi những khu vực này lại rất nhạy cảm về sinh thái và đã được chỉ định làm các khu bảo tồn, và chính xác ra là vì lý do này. Do vậy, các hoạt động du lịch lại ngày càng đối kháng với các nỗ lực bảo tồn. Một vấn đề cần được hoà giải với một vấn đề khác.

3. Các vấn đề nan giải mà du lịch gây ra đối với ĐDSH

Các xu thế hiện nay trong du lịch quốc tế và du lịch trong nớc gây ra một số vấn đề đối với ĐDSH. Số lượng các du khách tăng lên cũng nh cường độ các hoạt động du lịch có thể gây ra các tác động tiêu cực, gián tiếp lẫn trực tiếp đối với môi trường thiên nhiên.. Du lịch còn có thể làm phức tạp thêm các vấn đề hiện có, tạo ra những vấn đề mới:

- chuyển đổi mục đích sử dụng đất, khai khẩn đất đai, dành đất xây dựng khách sạn, các khu giải trí, vui chơi, nghỉ ngơi, sân gôn, đờng sá, sân bay- các hậu quả là mất nơi cư trú của động vật hoang dã, xáo trộn các mô hình sinh sản và nuôi dưỡng, tuyệt chủng cục bộ, tử vong động vật hoang dã..;

- lấp các diện tích đất ngập nước, phá huỷ các cánh rừng ngập mặn- mất nơi cư trú, v.v;
- phá rừng do tiêu thụ củi đun đáp ứng các nhu cầu của khách du lịch và phát triển du lịch- mất nơi cư trú v.v;
- huỷ diệt rừng do tăng các sự cố cháy rừng tại các khu du lịch (hút thuốc lá);
- ô nhiễm không khí do giao thông- du lịch quốc tế chiếm đến 60% hoặc đi lại bằng đường hàng không nhiều hơn và do vậy, đã góp phần quan trọng trong ô nhiễm khí quyển thế giới từ nguồn du lịch này. Tại địa phương, ô nhiễm do xe cộ ở một số điểm du lịch đã diễn ra tại các điểm tập trung, gây chết hoặc gây còi cọc các thảm thực vật;
- đa vào áp dụng các loài nhập ngoại do các du khách và các phương tiện giao thông mang đến;
- tử vong các động vật hoang dã (đồng sá và ô nhiễm);
- xáo trộn các mô hình sinh sản và nuôi dưỡng do các khách du lịch (nh các loại rùa đầu gỗ, cá voi);
- tái cấu trúc địa mạo, nh xây dựng các sân gôn và các khu bến tàu đậu-các thay đổi đối với các diện tích nước địa phương;
- nhiễm bẩn các thủy vực và các nguồn nước, do thuốc trừ vật hại/phân bón chảy tràn từ các sân gôn- gây bệnh tật và tử vong cho các hệ động thực vật;
- xây dựng trên các đùn cát nhay cảm, gây ra xói mòn, thay đổi mặt bãi biển, mất nơi cư trú trên các đùn cát;
- xả nước thải cống và chất thải không kiểm soát nổi và làm nhiễm bẩn các nguồn nước, các thủy vực, biển- làm chết và bệnh tật các hệ động thực vật thủy sinh;
- đổ rác từ thuyền du lịch, đồng thời rò rỉ dầu, sử dụng các thuyền có động cơ ồn ào và gây ô nhiễm, huỷ hoại các rạn san hô do thả neo đậu;
- hái lượm và huỷ hoại đến san hô do du khách đi dạo trên các rạn, do những người bán đồ lưu niệm, trong nhiều trường hợp nghiêm trọng dẫn đến xói mòn các vùng ven bờ không được bảo vệ và bờ biển;
- hái lượm các " đồ lưu niệm" thiên nhiên từ các rạn san hô, các hang, rừng và tiêu thụ các động vật hoang dã;
- xói mòn, trượt đất, do khai khẩn các khu vực trên núi để là các bãi trượt tuyết- làm xáo trộn các mô hình sinh sản và nuôi dưỡng và huỷ diệt các nơi cư trú;
- thiếu nước do khai thác các nguồn nước và nước ngầm cho các sân gôn, các nơi nghỉ ngơi, các bể bơi, dẫn đến khan hiếm cục bộ và xâm mặn (các du khách sử dụng gấp 6-10 lần lượng nước sử dụng tại địa phương)- gây xáo trộn các mô hình sinh sản và nuôi dưỡng, gây chết thảm thực vật;
- xây dựng các tổ hợp giải trí nghỉ ngơi quy mô rộng lớn và xây dựng các cơ sở hạ tầng liên quan trong và gần các vườn quốc gia- phá huỷ các nơi cư trú, gây các tác động tiếng ồn và ô nhiễm;
- xây dựng các nhà khách, các phòng karaoke, các sân gôn, v.v. trong các vườn quốc gia- phá huỷ các nơi cư trú, gây tác động tiếng ồn và ô nhiễm;
- tích lũy rác- gây tử vong cho các động vật hoang dã (ví dụ nuốt phải các túi nhựa tổng hợp)...

Và danh sách này còn kéo dài.

Một điểm trong các điều đáng quan tâm trên là nhu cầu và tiêu thụ các sản phẩm của hệ động thực vật, để cung cấp dịch vụ cho ngành công nghiệp du lịch (ví dụ nh tiêu thụ gỗ củi và hái lượm hoa phong lan tại Sapa), cũng nh nhu cầu của các du khách về các đồ lưu niệm " ngoại" và " thịt rừng" (trong một số nền văn hoá, việc tiêu thụ các động vật hiếm, ngoại và đắt tiền, là một dấu hiệu về hiện trạng và tầm quan trọng, hoặc liên quan đến " các đặc điểm "tăng cường sức khoẻ").

Các mối đe dọa đến ĐDSH, do việc hái lượm và tiêu thụ hoa phong lan, san hô, các động vật rừng, nh gấu, lợn rừng, hươu nai, rắn, báo, hổ, cây giông, vv. và các loài động vật biển, nh hải cẩu, mai rùa biển, chim,..v.v. đang gia tăng trong ngành du lịch. Tại Việt Nam, vấn đề này thấy rõ tại các điểm du lịch nh Tam Đảo, Hạ Long, Nha Trang và Sa Pa. Tuy nhiên, thật khó có thể rạch ròi được các tác động du lịch về lĩnh vực này với với mức độ gia tăng trong buôn bán các loài động vật hoang dã.

Tại nơi nào phát triển du lịch được xúc tiến mà không có quy hoạch, hoặc không chú ý trong quy hoạch, hay được tiến hành mà không nhận thức về các giá trị của ĐDSH và các tác động tiềm tàng đối với ĐDSH , thì du lịch có thể dẫn đến tình trạng sử dụng quá mức các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tại các khu bảo tồn, điều này còn có thể dẫn đến xung đột với các mục tiêu bảo tồn.

Một vấn đề liên quan cần quan tâm là mức độ ảnh hưởng của sự tham gia của dân địa phương trong công tác quy hoạch và thực hiện các hoạt động du lịch và trong phân phối các khoản tiền thu được và các lợi ích của du lịch. Du lịch có thể tạo ra các xung đột, chủ nghĩa vị kỷ và chống lại bảo tồn, nếu các dân tộc địa phương không được tham gia và không được chia sẻ các lợi ích kinh tế. Ví dụ, các bộ lạc Masaai tại châu Phi, đã bị ngăn chặn không được sử dụng các diện tích đất đai truyền thống của họ, do xây dựng vườn quốc gia và không được hưởng các lợi ích do các du khách đến chiêm ngưỡng đời sống hoang dã mang lại, đã liêu mạng đốt đi vườn quốc gia. Dối đây sẽ có nhiều thông tin về sự tham gia của cộng đồng.

4. Tiềm năng du lịch phục vụ bảo tồn và sử dụng bền vững ĐDSH

Du lịch có tiềm năng là một sức mạnh tích cực cho công tác bảo tồn... Du lịch định hướng thiên nhiên có thể thúc đẩy công tác bảo tồn ĐDSH và sử dụng bền vững ĐDSH , và do vậy, sẽ đóng góp cho quá trình phát triển vùng và địa phương.

Ơ đầu thiên nhiên là cơ sở cho các hoạt động du lịch, thì ở đó cần có các biện pháp kích thích bảo tồn thiên nhiên. Ngoài ra, kinh nghiệm chứng minh rằng chỉ có sử dụng môi trường thiên nhiên cho các du khách, thì mới tạo ra cơ hội để bảo tồn các loài bị đe dọa và các nơi cư trú của chúng.

Du lịch định hướng thiên nhiên có thể tăng cường được nhận thức của cộng đồng về giá trị của ĐDSH .

Du lịch tạo ra nguồn thu nhập, có thể sử dụng cho công tác bảo tồn ĐDSH . Ví dụ: các khoản lệ phí mà du khách trả để đến thăm các khu bảo tồn. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là, các lệ phí thu này và mức thu lệ phí phải tương ứng với mức độ hấp dẫn hay độ nhạy cảm của khu vực thiên nhiên liên quan, cũng như các lệ phí thu được phải được phân bổ cho công tác bảo tồn trong khu vực. Ngoài ra, người dân địa phương cũng phải nhận được một phần thu nhập này.

Người dân địa phương chắc chắn không trở thành lực lượng bảo tồn, một khi họ không được thụ hưởng. Du lịch đến các khu bảo tồn và các khu vực khác phải tạo ra được các biện pháp, mà từ đó người dân có thể được thụ hưởng. Tuy nhiên, cách thức mà ngành công nghiệp du lịch tổ chức, như do người nước ngoài, hay các nhóm có quyền lực địa phương, hay chính quyền địa phương, hoặc các cơ quan du lịch thông thường xuyên kiểm soát, cho nên chỉ có số ít các lợi ích kinh tế đến được với các cộng đồng địa phương. Do vậy, cho đến nay du lịch các khu bảo tồn phần lớn không thành công vì nguyên do bảo tồn.

Để du lịch trở thành lực lượng tích cực trong bảo tồn, thì phải có các hệ thống và có các công tác kiểm soát, cam kết chính trị, trao quyền lực cho địa phương... du lịch cần phải được quy hoạch ở mức độ thích hợp, với các cộng đồng địa phương. Công tác quản lý du lịch theo các cách, như có thể cần quy định các hoạt động du lịch, để đảm bảo các hoạt động đó tuân thủ với các yêu cầu bắt buộc về bảo tồn, và đưa vào áp dụng các cơ chế kiểm soát, nhằm tăng cường hiệu lực của các quyết định có liên quan đến hoạt động du lịch thân thiện với môi trường.

Các cơ quan hướng dẫn du lịch cần hành động có trách nhiệm về sinh thái, cũng như các du khách phải được thông tin và khuyến khích hành động theo cách thân thiện với môi trường. Điều này đã đến câu hỏi:

5. " Du lịch sinh thái " thì sao- liệu du lịch sinh thái có là lực lượng bảo tồn ĐDSH không?

Một định nghĩa

Du lịch sinh thái khác biệt với các hình thức du lịch giáo dục hay thiên nhiên khác ở mức độ cao về giáo dục môi trường và sinh thái, được những người diễn giải có trình độ hướng dẫn trên hiện trường. Du lịch sinh thái bao gồm một phần quan trọng về mối tương tác giữa con người và tính hoang dã, có tính chất giáo dục, có xu thế chuyển hoá các du khách cố gắng hiển mạnh mẽ cho công tác bảo vệ môi trường. Thực tiễn của du lịch sinh thái là giảm thiểu các tác động môi trường và văn hoá của các du khách, bảo đảm các lợi ích tài chính chảy vào các cộng đồng sở tại và đặt trọng tâm đặc biệt đến phân bổ tài chính cho các nỗ lực bảo tồn. (Allen,K., 1993)

Tính đa dạng có trong du lịch trên cơ sở thiên nhiên, với mức độ du ngoạn có tính chất chung và tiêu thụ vô thức và du ngoạn có ý thức bảo tồn hơn, có định hướng học hỏi, nhận biết thông tin và từ đó có tính chất chịu trách nhiệm. Du lịch sinh thái nằm ở cuối của dải phổ " du lịch thiên nhiên".

Du lịch sinh thái là cách để tạo ra giá trị kinh tế thay thế của các cánh rừng (thay sản lượng gỗ), giáo dục du khách về môi trường và từ đó, nâng cao nhận thức về các vấn đề môi trường và ĐDSH; tạo ra thu nhập thay thế và phụ thêm cho các cộng đồng địa phương, từ đó cung cấp cho họ biện pháp kích thích kinh tế để bảo tồn và đồng thời, nâng cao nhận thức về môi trường của chính họ, tạo ra các khoản thu cho các khu bảo tồn... Phong diện giáo dục của du lịch sinh thái có ý nghĩa quan trọng sống còn-giáo dục là sự đầu tư cho tương lai... một mục đích dài hạn với các kết quả chậm thấy.

Du lịch sinh thái vẫn là chủ đề gây tranh cãi trong các diễn đàn quốc tế, giữa các nhà chỉ trích và các chủ đầu tư. Các nhà chỉ trích bao gồm nhiều người đã không chứng minh được " sự lạm dụng" thuật ngữ và thiếu khả năng đạt được ý tưởng du lịch sinh thái.. Xung quanh thế giới có nhiều trường hợp mà các công ty du lịch sử dụng các mối quan tâm về xã hội-văn hoá và môi trường (ngành 'xanh' và 'sinh thái') nhằm khuyến mại nh các trò tân kỳ vì các mục đích tăng lợi nhuận và thu hút hình ảnh sạch sẽ.

Thật không may khi mà 'du lịch sinh thái' thông thường không mang tính 'đích thực' của nó và do vậy, cũng là mối đe dọa đến ĐDSH. đây chính là một phần của tình trạng thiếu hiểu biết về thế nào là đích thực của du lịch sinh thái.. Chỉ đơn giản đến thăm một khu vực thiên nhiên không phải là du lịch sinh thái. Du lịch ồ ạt đến các khu vực thiên nhiên không phải là du lịch sinh thái. Du lịch ồ ạt đến các khu bảo tồn chỉ đe dọa đến ĐDSH ..

Ví dụ 1: trong các kinh nghiệm du lịch sinh thái đang được phát thanh trên các phương tiện thông tin đại chúng của Việt Nam, đa số đồng nh chỉ hợp với các vương quốc của các chuyến tour 'thiên nhiên' hay 'thôn trang' hay các chuyến tour ' văn hoá'. Thuật ngữ du lịch sinh thái được sử dụng quá yếu, và thay thế với du lịch thiên nhiên. Làm theo cách đó, đã gây ra khiếm khuyết trong việc thừa nhận du lịch sinh thái chỉ là một hệ phụ của du lịch thiên nhiên và nằm vào đầu cuối ' tinh khiết nhất' của dải phổ rộng của các kinh nghiệm du lịch thiên nhiên.

Ví dụ 2: tại thời điểm này du lịch sinh thái tại Việt Nam đang được các công ty du lịch "thị trường đại trà" khuyến mại ầm ĩ. Liệu các công ty này có hiểu biết đầy đủ về các vấn đề dân tộc học và nắm được các chuẩn mực đạo lý và các hành vi (về môi trường, xã hội, văn hoá và các vấn đề khác), là những cấu thành chủ yếu của các hoạt động du lịch sinh thái : Theo quan sát sơ bộ của chúng tôi, để đánh giá đúng các hành động của các công ty này với các chuẩn mực khắt khe về du lịch sinh thái, thì các công ty này không thể gọi là các công ty du lịch sinh thái với bất cứ ý nghĩa nào.

Chúng tôi hiện đang xúc tiến khảo sát toàn quốc về các công ty du lịch- nhà nước và tư nhân- để đánh giá về tri thức và nhận thức của các tác động tiêu cực của du lịch đến môi trường và văn hoá, cũng nh đánh giá các thông lệ/cách xử lý thực tế. Từ đó chúng tôi

sẽ có khả năng xem xét ai cố gắng áp dụng các nguyên tắc du lịch sinh thái, hay các nguyên tắc du lịch bền vững.

Do vậy, cần phải rạch ròi giữa các công ty du lịch truyền thống với các công ty du lịch có nguyên tắc về sinh thái: các công ty truyền thống cho thấy không có cam kết đối với bảo tồn hay quản lý khu vực thiên nhiên, đơn thuần chỉ tạo ra cho khách hàng cơ hội được thưởng thức những nơi lạ và con người lạ trước khi họ thay đổi hoặc biến mất; mặt khác, các công ty có nguyên tắc du lịch sinh thái lại bắt đầu hình thành các mối cộng tác với các nhà quản lý khu bảo tồn và người dân địa phương, với ý định đóng góp bảo vệ lâu dài các vùng đất ngập nước và phát triển địa phương, và hy vọng cải thiện hiểu biết lẫn nhau giữa c dân địa phương với du khách.

Bạn không thể trở thành người hướng dẫn du lịch sinh thái khi chỉ dừng ở điểm du lịch trong thiên nhiên của bạn.. bạn làm gì với chất thải ? bạn làm gì đối với các hoá chất nguy hiểm? bạn chuyên chở ra sao? bạn có mua tại địa phương không ? .. bạn có khuyến khích đời sống hoang dã không? bạn làm gì với nước thải của bạn? chính những thứ vụn vặt khó chịu này sẽ tạo ra sự khác biệt giữa du lịch sinh thái, đang trở thành nguồn sức mạnh cho môi trường, hay chỉ trở thành mối đe dọa khác. (Figgis, P.,1993)

Thậm chí, các nhà quản lý khu thiên nhiên và các tổ chức môi trường/phát triển rất hăng hái tìm ra các giải pháp cho các vấn đề thông qua du lịch sinh thái, nhng còn thiếu hiểu biết về một số các vấn đề này và có thể kéo theo các mối liên can tiềm năng cho công tác quản lý, khi áp dụng du lịch sinh thái. Các nhà quản lý thiếu hướng dẫn thực tiễn về việc 'làm sao có thể 'xây dựng' được du lịch sinh thái (mâu thuẫn về các điều kiện !).

6. Các vấn đề khác trong quy hoạch, quản lý và kiểm soát công nghiệp du lịch tại Việt Nam, với các mối liên can đến ĐDSH

Du lịch là ngành công nghiệp gây ô nhiễm và bóc lột, du lịch không phải là hoạt động 'mềm', và bản thân du lịch không mang tính chất bảo tồn một cách cố hữu (ngay cả khả năng bền vững của du lịch cũng phải dựa vào sự gìn giữ cơ sở tài nguyên thiên nhiên và nền văn hoá địa phương). Từ đó có thể lý giải được tại sao cần phải quy định cho ngành du lịch nh quy định đối với ngành công nghiệp gây ô nhiễm khác.

Công nghiệp du lịch ở Việt Nam cho đến nay được đặc trng bằng các mạo hiểm nhanh và ngắn hạn, cũng nh bằng các đồng ngang ngắn hạn. Du lịch Việt Nam còn có thể đặc trng bằng trọng tâm áp đảo của khu vực Nhà nước đặt ra đối với các dự án quy mô lớn, nhất là các khách sạn lớn. Đồng thời khu vực t nhân đang xây cất các khách sạn, phát triển các hoạt động hướng dẫn du lịch và các hoạt động du lịch khác theo cách không thể kiểm soát và chế định được.

Tổng cục Du lịch Việt Nam tiếp tục quan tâm đến tình trạng thiếu cơ sở hạ tầng và nhu cầu nâng cao các tiêu chuẩn ăn ở, đi lại và khai thác du lịch, kể cả khai thác ở các khu vực thiên nhiên vùng sâu. Mặc dù có những cải thiện về giao thông và thông tin

liên lạc, là ưu tiên phát triển cần thiết, việc cung cấp chỗ ăn ở có chất lượng cũng là một yêu cầu, Tổng cục Du lịch Việt Nam (và Bộ Kế hoạch & Đầu tư) lại không cân nhắc đến các hậu quả về các khả năng của số lượng lớn các du khách đến các khu bảo tồn và các khu vực nhạy cảm, cũng như không quan tâm đến các tác động môi trường nói chung của quá trình phát triển cơ sở hạ tầng. Và 'những cải thiện' cơ sở hạ tầng, bao gồm chỗ ăn ở, cho đến nay là không nhạy cảm về mặt môi trường và gây huỷ hoại đến môi trường một cách rõ ràng.

Nâng cao khả năng khai thác du lịch tại các khu bảo tồn sẽ không thể là ưu tiên của ngành công nghiệp du lịch, ít nhất cho đến khi đưa vào hệ thống mạnh về quản lý bên cung và đối phó, nhằm quy hoạch, quản lý, kiểm soát du lịch. Hiện tại chỉ có một số ít các khu bảo tồn của Việt Nam có khả năng này.

Hơn nữa, tại Việt Nam hiện vẫn tin rằng cần phát triển những thứ 'hấp dẫn' hơn để thu hút các du khách quốc tế. Do vậy, các vườn giải trí, các sân golf, các công viên chuyên đề và vui chơi, các làng văn hoá, v.v. hiện đang được quan tâm hơn, trong và ngoài các khu vực đô thị (và trong hay kể bên các khu bảo tồn). Ngoài môn đánh golf, những công trình phát triển này dường như sẽ chỉ mua vui cho du khách Việt Nam hơn là cho các khách du lịch quốc tế, cho dù có khả năng thị trường du lịch châu Á là mục tiêu quan trọng.

Triết lý của việc xây dựng này chắc chắn cuối cùng sẽ huỷ hoại các khu vực thiên nhiên của Việt Nam. Các tác động môi trường của sân golf, chưa nói đến các tác động về kinh tế-xã hội đối với các cộng đồng địa phương, đã được đăng tải rất nhiều tại các nước khác.

Phát triển du lịch theo các loại hình và quy mô nhất định bắt buộc phải làm đánh giá tác động môi trường (ĐTM) (nh phát triển khách sạn trên 100 buồng; sân golf, các khu giải trí), tuy nhiên, Cục Môi trường và Bộ KH&MT dường như chỉ coi du lịch như một lĩnh vực quan tâm hay có trách nhiệm rất nhỏ. Cần phải xúc tiến ĐTM chiến lược và phải cân nhắc các tác động tích lũy của du lịch lẻ tẻ này, nghĩa là nhiều tác động nhỏ tích lũy thành vấn đề lớn về mặt môi trường, cảnh quan, và thẳng cảnh. Ngay cả các dự án phát triển quy mô nhỏ hơn cũng bắt buộc phải tuân thủ với các tiêu chuẩn và luật định về môi trường và thiết kế.

Tổng cục Du lịch Việt Nam vừa là cơ quan quản lý hành chính, vừa là cơ quan hoạch định chính sách, cũng như vừa có vai trò thương mại (vai trò này là trách nhiệm của riêng Du lịch Việt Nam và các công ty du lịch khác). Do đó, điều này chắc chắn dẫn đến các mâu thuẫn về quyền lợi, không báo trước điếm hay cho môi trường. Cần phải phân chia chức năng rõ ràng của Tổng cục Du lịch Việt Nam và đưa khu vực tư nhân vào trong ph-ong trình này.

Ví dụ, một khả năng có thể theo gương các nước khác trong khu vực, như xây dựng các Ủy ban hay các hiệp hội du lịch quốc gia (đại diện cho các tổ chức hoạt động du lịch, phần lớn là khu vực tư nhân) với các trách nhiệm tiếp thị và khuyến mại, tách khỏi các trách nhiệm của cơ quan quản lý hành chính hay bộ du lịch, là các cơ quan chịu trách

nhiệm về luật định và thể lệ hoạt động và (cuối cùng là hướng dẫn cho ngành công nghiệp du lịch hướng tới tính bền vững).

Cần nhắc đến tốc độ tăng trưởng du lịch của Việt Nam và mục tiêu quốc gia 3 triệu du khách cho đến năm 2000, nữa là sang năm. Một khi Việt Nam đạt được con số 3 triệu, rút khoát sẽ có mục tiêu tiếp theo là 5 triệu vào năm 2020 ? rồi 7, 9, 11...?!

Ngành du lịch Nepal bắt đầu từ cuối những năm 1950 và đã trở thành một ngành công nghiệp lớn nhất của đất nước, tuy nhiên mức tăng trưởng của nước này chậm hơn rất nhiều so với mức tăng trưởng gần đây của Việt Nam-- năm ngoái, Nepal thu hút được khoảng 300,000 du khách nước ngoài. Tất cả các cấp trong ngành công nghiệp này-- chủ yếu là khu vực t nhân--đều công nhận các tác động tiêu cực của du lịch. Các tài liệu giáo dục được cung cấp cho du khách dưới dạng các quy định tác động tối thiểu (nh in ngay mặt sau của các phiếu khai nhập cảnh), trên các biển báo tại một số địa điểm dọc theo các tuyến du lịch, tại các trung tâm thông tin cho du khách. Ngoài ra, một hệ thống chia sẻ các khoản tiền thu du lịch giữa vờn quốc gia với các vùng đệm đã được thành lập (các quy tắc quản lý của Vùng Đệm) sau khi thí điểm thành công trong dự án khu bảo tồn Annapurna, một khu bảo tồn đầu tiên, đã giữ lại 100% số tiền thu được của du khách để phân chia cho các cộng đồng địa phương, phục vụ phát triển và các công tác bảo tồn.

Việt Nam nên loại bỏ kiểu tập trung vào các số lượng du khách và các mục tiêu để ra (và các chỉ số của thành công) và nên tập trung vào chất lượng môi trường, chất lượng về kinh nghiệm du lịch và từ đó, tập trung vào tính bền vững thực sự của ngành công nghiệp này. Hơn nữa, du lịch cần được coi là công cụ phát triển hay một giải pháp sẵn có cho các cộng đồng địa phương, không chỉ đơn thuần là ngành kiếm tiền cho kho bạc quốc gia. Điều tương tự cũng có thể đề cập đến trong các kế hoạch tổng thể về du lịch- các kế hoạch này đưa ra các mục tiêu cao và bao gồm các dự án quy mô lớn. Đối với các khu bảo tồn và các khu thiên nhiên nhạy cảm, thì quy mô nhỏ là thích hợp nhất, kiểm soát và các hạn chế là quan trọng, sự tham gia của các cộng đồng địa phương là sống còn.

Mức độ mà du lịch đe dọa đến môi trường Việt Nam nói chung chưa nhận thức được hoặc chưa được thừa nhận. Mặc dù mức tăng trưởng về du khách quốc tế (1.7 triệu năm 1997 kể cả số lượng đến kinh doanh và thăm thân nhân) đã chậm lại (6% năm 1997 so với 18% năm 1996 và 33% năm 1995), và chính phủ đang lo lắng về thiếu các du khách quay trở lại (có thể liên quan đến chất lượng môi trường cũng nh chất lượng dịch vụ và các yếu tố khác), chính mức tăng trưởng của **du lịch trong nước lại** có những mối liên can quan trọng và thậm chí lớn hơn đối với môi trường ở Việt Nam.

Du lịch nội địa tăng 30.8% giữa năm 1996 và 1997, từ 6.9 đến 8.5 triệu. Tổng cục Du lịch Việt Nam hy vọng sẽ đạt được từ 10 đến 11 triệu chuyến du ngoạn của người Việt Nam trong năm 1998. Các mối liên can về số lượng du khách trong nước tăng nhanh với những người khả giả mới, có thể đánh giá trong khung cảnh những vấn đề sau:

- Mức độ nhận thức về môi trường và hành vi nhạy cảm và có trách nhiệm đến môi trường thấp trong người dân Việt Nam nói chung;
- Thiếu kiểm tra và luật định của ngành công nghiệp du lịch và các chuẩn mực về thông lệ trong ngành công nghiệp này;
- Các tầm nhìn trong quy hoạch ngắn hạn và trọng tâm phát triển du lịch thuần túy vì mục đích kinh tế hơn là các mục đích phát triển;
- Trọng tâm xây dựng các dự án quy mô lớn hơn là các dự án quy mô nhỏ;
- Ưu chuộng liên doanh giữa nhà nước với nước ngoài hơn là các sáng kiến trên cơ sở địa phương và cộng đồng;
- Các mâu thuẫn và phân công không rõ ràng về trách nhiệm giữa các nhà quản lý vờn quốc gia và các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh và huyện về vấn đề phát triển du lịch trong các khu bảo tồn;
- Nền văn hoá tiêu thụ động vật hoang dã của cả người Việt lẫn các quốc tịch khác (đặc biệt tả trong Kế hoạch hành động ĐDSH là vị lợi), nhất là ở Bắc á (đến du lịch Việt Nam với số lượng ngày càng đông hơn).

7. Nghiên cứu điển hình Kinh tế học về Môi trường: Du lịch và ĐDSH

"Về giá trị kinh tế, tất cả các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, hay biển, khai thác từ các nguồn tài nguyên ĐDSH, được ước tính đến 2 tỷ USD trong khoản thu quốc gia hàng năm"... (Kế hoạch Hành động ĐDSH, trang đầu).

Vậy còn giá trị du lịch của các khu bảo tồn và các khu thiên nhiên nói chung thì sao? Du lịch là một sản phẩm của ĐDSH, mà có thể "thu hoạch" theo cách bền vững hay không bền vững. Hay nói cách khác, bảo vệ ĐDSH cũng là cách đầu tư cho ngành du lịch bền vững, nghĩa là: không chỉ đơn thuần theo các điều kiện thu nhập duy trì chắc chắn, mà còn theo các điều kiện về khả năng bền vững về môi trường và xã hội.

Như khu phố cổ kiểu Pháp của Hà Nội, Phong Nha, Hạ Long, Ba Be, v.v. là những điểm hấp dẫn du khách của Việt Nam... Vậy thì các điểm du lịch này quý giá thế nào đối với ngành công nghiệp du lịch? và làm sao có thể gán được giá trị kinh tế đối với các điểm du lịch này? cái gì xảy ra nếu chúng bị huỷ diệt, và quy thành tiền thì thiệt hại này là bao nhiêu?

Có thể sử dụng du lịch làm công cụ hỗ trợ việc đặt ra giá trị kinh tế và từ đó nhấn mạnh trọng tâm đối với giá trị của ĐDSH (các lý lẽ về mặt kinh tế luôn luôn lấn áp!). Dĩ nhiên còn có các phương diện du lịch đối với các khu vực thiên nhiên cũng chưa thể đánh giá được (th giã, tăng cường sức khỏe, v.v) và do vậy, không thể tính được trong đánh giá. Hơn nữa, có những lập luận cứng rắn phản đối việc gán các giá trị kinh tế đối với môi trường và đa dạng sinh học để lý giải về bảo tồn và bảo vệ ĐDSH - bởi làm nh vậy, mọi thứ đều quy về hàng hoá.. mà có thể mua đi bán lại.

8. Các lợi ích và các ưu tiên đi ngược với các khu bảo tồn

Quản lý khu bảo tồn phải gánh chịu một số vấn đề chính trị cơ bản, giải quyết với các lớp quyền lực, chính trị và thẩm quyền, cũng như mối quan hệ giữa các vườn quốc gia, các cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh và huyện. Các vấn đề này cần được giải quyết, nếu các vườn quốc gia, như Ba Bể không muốn bị suy thoái nghiêm trọng và mất đi các cảnh đẹp thiên nhiên (sinh thái, sinh vật, v.v) hiện có.

Ví dụ có những vấn đề có tính chất 'quản lý chéo', nghĩa là: các vườn quốc gia chịu sự quản lý của Cục Kiểm lâm, trong khi phát triển du lịch lại thuộc trách nhiệm giao cho Tỉnh, hoặc huyện. Có những 'yếu tố bất định' liên quan đến ai sẽ chịu trách nhiệm về cái gì trong khu bảo tồn, nghĩa là ai sẽ xây và hưởng thụ) các nhà khách? ai sẽ cải thiện các cơ sở hạ tầng? ai sẽ bảo vệ các di tích lịch sử và văn hoá? ai sẽ thu tiền vé vào cổng?

Các tỉnh đang chạy thử các Kế hoạch tổng thể du lịch.... các đề án tham vọng với nhiều triệu USD, bao gồm cả phát triển du lịch trong các vườn quốc gia, hoặc sử dụng các vườn quốc gia làm các điểm hấp dẫn du khách chủ yếu. Các nhà quản lý các khu bảo tồn được tham gia đến mức độ nào trong 'thương lượng', hoặc được đóng góp cho các Kế hoạch tổng thể du lịch này hay được phép đặt ra các giới hạn đến đâu, để có thể phát triển du lịch trong ranh giới các khu bảo tồn ?

Nếu mục tiêu của chính quyền địa phương là phải phát triển du lịch (du lịch thiên nhiên ồ ạt) cho tỉnh, và nếu các khu bảo tồn không có đóng góp trong các kế hoạch tổng thể này, hoặc không có quyền kiểm soát phát triển du lịch, số lượng du lịch, các hoạt động hướng dẫn du khách trong ranh giới của khu bảo tồn... thì bất kỳ sáng kiến du lịch sinh thái nào, hay bất kỳ sáng kiến du lịch 'bên cung' quy mô nhỏ nào, dù cố gắng để triển khai ra sao, cũng có thể bị du lịch đại trà lấn áp, hoặc khống chế, trong một thời gian ngắn.

Du lịch sinh thái đích thực, hay du lịch đến các khu bảo tồn đáng đồng đầu với những thách thức đáng kể, và không kém phần quan trọng là thách thức đầu tiên phải giữ được triển vọng quản lý định hướng bên cung.

Các Khuyến nghị

Có những dự án có thể triển khai trong từng nhóm trong 3 lĩnh vực ưu tiên của Kế hoạch hành động ĐDSH là: *Chính sách và các Chương trình; các Chương trình Quản lý và Bảo tồn trên hiện trường; và các Hành động bổ sung.*

Các vấn đề chính sách và pháp lý:

- Cần ban hành các văn bản quy định dưới luật để giải quyết vấn đề xác định các địa điểm phát triển du lịch, phân vùng và áp dụng Hình ảnh Cơ hội Giải trí trong hay gần các khu bảo tồn. Những văn bản này sẽ hình thành các mức cho phép sử dụng có thể chấp nhận được, mức độ sửa đổi, v.v, trên cơ sở các

nguyên tắc ' quản lý theo bên cung'. Công tác phân vùng này có thể quy định theo quy mô quốc gia, nh : các khu bảo tồn đã tương đối 'phát triển' và thay đổi tốt hơn so với các khu bảo tồn khác, cũng nh sẽ nhận được nhiều du khách hơn các khu bảo tồn khác- có nên tập trung du lịch trong các khu bảo tồn này hay là tập trung vào các khu kém phát triển và thay đổi hoặc nhạy cảm cao hơn không ?

- Xây dựng các hớng dẫn và các biện pháp kích thích/không khuyến khích, để thúc đẩy các hoạt động xử lý và chôn lấp các chất thải/nớc thải tốt hơn và tái chế (nh các nhà xí sinh thái) cũng nh sử dụng các nguồn năng lượng thay thế "sạch" (mặt trời, gió, thủy điện nhỏ).
- áp dụng các biện pháp phạt nặng đối với các hành động tiêu thụ/buôn bán/săn bắt các hệ động thực vật được bảo vệ.
- Phối hợp với Tổng cục Du lịch Việt Nam, Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn/ Cục Kiểm Lâm, Bộ KHCN&MT/Cục Môi trường, hình thành một hệ thống chứng nhận các cơ sở hớng dẫn du lịch theo thông lệ môi trường và văn hoá, nh hệ thống ' sao xanh'. Việc chứng nhận này sẽ giúp xây dựng được các tiêu chuẩn môi trường cho các công ty du lịch và các doanh nghiệp du lịch, nhất là đối với các tổ chức nào thường làm việc và dẫn du khách đến các vờn quốc gia, cũng nh giúp các du khách thấy rõ cách lựa chọn các công ty nào là hợp lý về sinh thái hơn.
- Tổ chức cuộc hội thảo quốc gia để xem xét quá trình xây dựng một chiến lược du lịch sinh thái quốc gia cho Việt Nam. IUCN hiện đang xây dựng đề xuất tổ chức một hội thảo quốc gia (có tính trao đổi và được định hớng). Hội thảo này sẽ là:
 - o một hoạt động giáo dục (nâng cao nhận thức về du lịch sinh thái và làm rõ các nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái),
 - o phổ biến thông tin và chia sẻ kinh nghiệm (học hỏi từ các kinh nghiệm về du lịch sinh thái và chính sách du lịch sinh thái trong khu vực), và
 - o là hoạt động tạo ra các hiệu quả/ định hớng mục tiêu (để cân nhắc đến việc xây dựng một chiến lược quốc gia về du lịch sinh thái/du lịch thiên nhiên).
- Mở rộng phạm vi của các dự án yêu cầu phải đánh giá tác động môi trường để gộp tất cả các dự án du lịch theo một loạt quy mô, phạm vi và mức đầu t, xác định vị trí, v.v

Xây dựng Nhận thức:

- xúc tiến một chiến dịch giáo dục chính với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Du lịch Việt Nam và Bộ KHCN&MT với mục tiêu là các du khách, nghĩa là: một chiến dịch quốc gia với mục tiêu là người dân trong nớc (coi họ là những du khách tiềm năng).
" Bạn thử tính xem, bạn không phải là du khách Việt nam duy nhất trong nớc- tác động của bạn sẽ được nhân lên nhiều triệu lần... hãy tính tác động của 76 triệu người đối với điểm nghỉ ngơi mà bạn a thích nhất.."

IUCN đang biên tập cuốn sách bỏ túi về du lịch có trách nhiệm cho cả du khách trong nước lẫn du khách quốc tế (" bạn không phải là du khách duy nhất đến Việt Nam- hàng năm tác động của bạn đến môi trường sẽ bị những người khác làm tăng lên hàng triệu lần."). Với sự giúp đỡ của Tổng cục Du lịch Việt Nam, chúng tôi hy vọng sẽ phân phát rộng rãi cuốn sách này trong cả nước.

- Xét về ưu tiên đối với việc thành lập một hệ thống các trung tâm giải thích giáo dục môi trường, nghĩa là tại từng vườn quốc gia ở Việt Nam và các khu dự trữ di sản thiên nhiên và nhạy cảm nhất (hoặc những khu vực có nhiều du khách nhất), thông qua một sáng kiến chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ Tổng cục Du lịch và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bao gồm:
 - o soạn thảo tài liệu giáo dục, sẽ phân phát cho không (đồng thời tăng giá vào cửa để bù một phần chi phí soạn thảo tài liệu này);
 - o đào tạo các nhân viên vườn quốc gia về diễn giải môi trường, các nguyên tắc du lịch sinh thái;
 - o đào tạo người dân địa phương làm hướng dẫn viên trong diễn giải môi trường, cách sử dụng thân thiện môi trường, ngôn ngữ, v.v (xem phần đối, *Xây dựng Năng lực và Đào tạo cán bộ*).

Cải thiện công tác điều phối liên ngành và các cách tiếp cận tổng hợp

- Bằng cách nào đó đưa Tổng cục Du lịch vào trong quá trình Kế hoạch hành động ĐDSH. Tổng cục Du lịch sẽ là một cơ quan khác mà các quyết định và các hành động của Tổng cục sẽ có các mối liên can đáng kể đến ĐDSH. Tương tự, cố gắng để Cục Môi trường đưa du lịch vào ưu tiên cao hơn trong danh mục.
- Vận động hành lang và giúp Tổng cục Du lịch xây dựng một bộ phận môi trường hay một bộ phận du lịch bền vững trong Tổng cục Du lịch (chịu trách nhiệm cân nhắc các tác động của du lịch đối với môi trường, văn hoá và kinh tế-xã hội). Bộ phận này sẽ làm việc chặt chẽ với Cục Môi trường của Bộ KH-CN-MT, Bộ KH-ĐT, Bộ NN&PTNT/ Cục Kiểm Lâm..
- Tương tự, có thể thành lập một bộ phận du lịch bền vững hay bộ phận du lịch sinh thái tại Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/Cục Kiểm lâm?
- Các Bộ phận này và các Bộ ngành cần phối hợp và xây dựng mối cộng tác với các tổ chức ngoài chính phủ ở địa phương và quốc tế. Cùng cộng tác với nhau, các bộ phận này sẽ khởi xướng đối thoại giữa các cộng đồng địa phương, các cấp chính quyền địa phương, các cán bộ quản lý khu bảo tồn và các công ty du lịch, để thảo luận về du lịch và du lịch sinh thái, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho các mối cộng tác tại cấp địa phương và đa người dân địa phương tham gia đầy đủ vào các quá trình ra quyết định về du lịch.
- Xúc tiến xây dựng các mối liên kết rộng lớn hơn giữa các cục vụ trong Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chịu trách nhiệm đối với du lịch và môi trường, nghĩa là: Vụ Thương mại và các Dịch vụ và Vụ Khoa học, Giáo dục và Môi trường.
- Xem xét giá trị của các nông trang sản xuất các lâm sản không phải gỗ (NTFP) phục vụ cho các mục đích bảo tồn ĐDSH, nhằm giảm bớt tác động của du lịch lên ĐDSH, nghĩa là các nông trang này bản thân có thể là các điểm hấp dẫn du

lịch, và thông qua bán các lâm sản, có thể giảm thiểu sức ép đến tình trạng hái lượm các lâm sản đó từ rừng để bán cho các du khách.

Xây dựng Năng lực và Đào tạo nhân viên:

- Xúc tiến công tác đào tạo tăng cường trong nước về du lịch sinh thái cho các cán bộ quản lý vườn quốc gia, các sở của chính quyền địa phương, các công ty du lịch, cũng như các đại diện của các cộng đồng địa phương. IUCN hiện đang tiến hành đề xuất về công tác đào tạo du lịch sinh thái cho các nhà quản lý vườn quốc gia và xây dựng một cuốn tài liệu hướng dẫn cụ thể cho Việt Nam.
- Cung cấp đào tạo trong nước về du lịch bền vững và các nguyên tắc du lịch sinh thái cho các đại diện của các bộ Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Du lịch, cộng với đầu tư vào các khoá học bằng cử nhân/thạc sĩ ở nước ngoài cho một số nhân viên chủ chốt. (để không ai nhầm khu nghỉ mát Đan Kia, Khách sạn Thăng Lợi hay làng Văn hoá Đồng Mô là " du lịch sinh thái"!).
- Cộng tác với các tổ chức NGO trong nước và quốc tế, giúp đào tạo các cộng đồng địa phương về du lịch bền vững trên cơ sở cộng đồng (du lịch sinh thái).

Quản lý các khu bảo tồn và các vùng đệm:

- Liên quan đến vấn đề các khoản tiền thu từ du lịch đều phải nộp vào chính phủ trung ương: xúc tiến thẩm định một hệ thống hiện tại về các khoản tiền thu/ cấp quỹ cho các vườn quốc gia và các khu bảo tồn. Công tác này hướng tới xây dựng một hệ thống cho phép các khoản tiền thu từ du lịch do các khu bảo tồn tạo ra, được tái đầu tư vào du lịch, bảo tồn, phát triển cộng đồng, v.v, như Dự án Khu bảo tồn Annapurna của Nepal.
- Xúc tiến nghiên cứu (kể cả các chuyến khảo sát hiện trường) đối với dự án của Nepal, cũng như nghiên cứu các quy định quản lý vùng đệm của Nepal (1996), để đánh giá liệu hệ thống này có thể áp dụng cho các khu bảo tồn và các vùng đệm tại Việt Nam không (các dự án lồng ghép bao gồm du lịch, bảo tồn môi trường, sự tham gia của cộng đồng, tạo ra thu nhập và chia sẻ, quản lý vùng đệm ...).
- Phân chia trách nhiệm rõ ràng về du lịch cho cơ quan có thẩm quyền về khu bảo tồn.
- Bắt đầu quá trình xây dựng các chiến lược hành động du lịch sinh thái đối với các khu bảo tồn, quy định cả các mức Giới hạn thay đổi cho phép, Các quy định/ điều kiện đối với các công ty du lịch và các du khách, các mức giới hạn về số lượng, các mức phí thu vào cửa, phân vùng ROS (mức sử dụng chấp nhận được, thay đổi, cách ứng xử, v.v) nghĩa là 'quản lý bên cung' về du lịch.
- Xúc tiến đào tạo tăng cường về du lịch sinh thái cho Cục Kiểm lâm, Viện Điều tra Quy hoạch Rừng và ban quản lý và nhân viên các khu bảo tồn.

Nghiên cứu Khoa học:

Điều tra Mối quan hệ Du lịch-Kinh tế- Môi trường:

- Điều tra các mối liên kết giữa môi trường và kinh tế, nghĩa là: Gắn giá trị vào môi trường và ĐDSH, sử dụng du lịch làm nghiên cứu điển hình. Ví dụ: Nghiên cứu điển hình Vịnh Hạ Long, để "giải thích các mối liên kết giữa các hoạt động phát triển kinh tế và công tác bảo vệ môi trường".
Vịnh Hạ Long, Khu vực di sản của Thế giới và là vịnh cảnh quan đẹp nhất, là điểm du lịch thiên nhiên chủ yếu của Việt Nam. Vịnh Hạ Long đang chịu áp lực đáng kể từ du lịch và phát triển, cũng như các quá trình phát triển công nghiệp và đô thị, giao thông, nuôi trồng thủy sản. Xét về tầm quan trọng của Vịnh Hạ Long đối với Việt Nam và đối với người Việt Nam, thì nghiên cứu về du lịch-môi trường-ĐDSH tại Vịnh Hạ Long có thể rất có ảnh hưởng.
Các quy định chức trách nhiệm vụ cho một nghiên cứu như vậy, có thể bao gồm:

1. chứng minh các lợi ích kinh tế tiềm tàng của du lịch đối với khu vực (vùng và quốc gia)
2. chứng minh các mối liên kết giữa du lịch và các ngành kinh tế khác, cả tiêu cực lẫn tích cực. Ví dụ chứng minh các chi phí kinh tế đối với ngành công nghiệp du lịch với phát triển các lĩnh vực khác (như than/khai thác), qua sự huỷ hoại có thể xảy ra với môi trường thiên nhiên/ĐDSH, và ngược lại, chứng minh tác động mà du lịch có thể có đối với ĐDSH và từ đó là các ngành công nghiệp khác, như đánh bắt hải sản;
3. cố gắng lượng giá các khoản chi phí môi trường/ĐDSH của quá trình phát triển du lịch, quy thành tiền/ giá trị kinh tế;
4. cân nhắc tiềm năng du lịch sinh thái tại Vịnh Hạ Long và làm thế nào để có thể mang lại lợi ích cho công tác bảo tồn ĐDSH và cải thiện các tác động hiện tại của du lịch (nghĩa là: cải cách du lịch từ đại trà sang du lịch sinh thái);
5. chứng minh các chi phí kinh tế đối với ngành công nghiệp du lịch (qua suy thoái môi trường, mất ĐDSH, phá huỷ danh lam thắng cảnh) do quá trình phát triển du lịch không có kế hoạch và không kiểm soát được, tại Vịnh Hạ Long (du lịch giết du lịch).

Nghiên cứu này sẽ có giá trị cho Việt Nam, về các mặt như:

- o nghiên cứu sẽ nêu bật các tác động kinh tế-môi trường-ĐDSH của du lịch ở trong nước, bị ngợp với phát triển du lịch, mà chỉ cân nhắc ít ỏi đến các tác động môi trường, hoặc các tác động của du lịch do quy hoạch tồi và kiểm soát tồi, gây ra cho các ngành kinh tế khác (ví dụ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, nông nghiệp), hoặc các tác động của du lịch gây ra cho chính bản thân ngành này (các kịch bản 'du lịch giết du lịch', 'du lịch làm thịt chú ngỗng đẻ ra trứng vàng');
- o nghiên cứu này sẽ giúp giáo dục các nhà môi trường về lối suy nghĩ kinh tế, và giúp các nhà kinh tế và các nhà quy hoạch kinh tế/du lịch/đầu tư hiểu rõ vì sao môi trường lại khiếm khuyết trong các lĩnh vực này và làm thế nào để các nhà quy hoạch này có thể và cần phải lồng ghép môi trường trong các quyết định của họ.

- Tiến hành nghiên cứu trong các lĩnh vực du lịch chủ yếu về các tác động của du lịch đối với vấn đề tiêu thụ các hệ động thực vật, nh: tăng cường tiêu thụ gỗ, phong lan, thịt rừng, san hô... Nghiên cứu này có thể xúc tiến tại Sa Pa, Đà Lạt, Nha Trang, Tam Đảo và Hạ Long..
- Xúc tiến nghiên cứu về " năng lực chịu tải" trong hàng loạt các khu bảo tồn hoặc các điểm du lịch thiên nhiên. Cần nhắc đến tất cả các phương diện về năng lực chịu tải- tâm lý-xã hội; môi trường; vật lý..

Các Yếu tố chủ yếu cần có cho du lịch sinh thái thành công ('danh mục ao ước')

- Mục đích cho công tác quy hoạch có tính chiến lược, tính toàn bộ và chi tiết hoá;
 - quản lý cẩn tắc và tổng hợp.
- a. Tiến tới mối hợp tác mạnh liên bộ giữa các bộ quy hoạch và đầu t, khoa học, công nghệ và môi trường, du lịch, giáo dục và đào tạo, nông nghiệp và phát triển nông thôn, và
 - b. cam kết quản lý để tạo điều kiện và đảm bảo cho các bên có vai trò cùng đóng góp : các công ty du lịch, các nhà quản lý các khu bảo tồn, chính quyền, các NGO, các cộng đồng địa phương, v.v;
- thành lập một đội đặc nhiệm quốc gia về du lịch bền vững (sinh thái) để xây dựng một Chiến lược Du lịch sinh thái quốc gia, hay Chiến lược du lịch thiên nhiên;
 - Tạo ra môi trường có lợi cho việc thành lập hiệp hội du lịch sinh thái, cũng nh thành lập uỷ ban du lịch sinh thái độc lập (tổ chức giám sát);
 - Can thiệp thị trường du lịch, ví dụ: các phí thu cho các khu bảo tồn, các mức giới hạn về số lượng du khách, các quy định và các chuẩn mực đạo đức đối với ngành công nghiệp Du lịch (cùng xây dựng với ngành công nghiệp du lịch);
 - Xem xét từng khu vực thiên nhiên (các tác động của du lịch về mặt môi trường và sinh thái, khu vực đó phải tạo ra cái gì, các nhu cầu của cộng đồng địa phương và mối tương tác với môi trường, các cơ sở hạ tầng, v.v);
 - Tập trung vào cấp địa phương và vùng- tại các cấp này việc xây dựng du lịch thiên nhiên/du lịch sinh thái dễ dàng hơn;
 - Khở đầu từ việc nhỏ và phát triển từ từ;
 - Phải tin rằng việc nhỏ là rất đẹp và chất lượng là tối quan trọng;
 - Đầu t vào nâng cao nhận thức, giáo dục và đào tạo cho các du khách, các công ty du lịch, các hướng dẫn viên địa phương, các nhà quản lý khu bảo tồn, các cộng đồng địa phương, các cơ quan có thẩm quyền địa phương;
 - Mục đích là tối đa hoá các lợi ích địa phương cho bảo tồn và phát triển kinh tế;
 - Mục đích là tối đa hoá sự tham gia của địa phương và lôi cuốn địa phương ở mọi cấp tham gia;
 - Mục đích tối đa hoá việc sử dụng các sản phẩm, vật liệu địa phương;
 - Mục đích nhằm vào các công nghệ tái chế, quản lý chất thải, các công nghệ

thay thế và các nhiên liệu thay thế. Các tài liệu hướng dẫn được phát hành, để cung cấp các thông tin thực tiễn về các chủ đề, IUCN có một số ít các tài liệu này, và sẽ thu thập thêm;

- Giám sát thường xuyên và đánh giá, cũng nh xây dựng cơ chế phản hồi để cải thiện tăng trưởng và giảm thiểu các tác động, cũng nh đặt ra các mức giới hạn.

Các sao xanh của Crinion áp dụng vào việc Chứng nhận các Công ty du lịch sinh thái

- có kế hoạch kinh doanh, đề ra các tiêu chuẩn về đạo đức và thực tiễn môi trường
- sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường và tham gia vào các hoạt động tái chế
- cung cấp thông tin có chất lượng tốt trước và sau cho một du khách dự định đến
- có sự tham gia/chuyên môn cao của địa phương/bản xứ
- cung cấp các thông tin có tính chính thống cao, mang tính giáo dục lý thú/ giá trị và điển giải
- cung cấp mức độ đào tạo nhân viên cao về môi trường thiên nhiên và văn hoá
- tạo ra nhiều lợi ích rònng cho cộng đồng địa phương
- các kinh nghiệm của du khách về môi trường thiên nhiên không bị xáo trộn
- có kế hoạch quản lý (kể các hạn chế về năng lực hoặc mức giới hạn thay đổi có thể chấp nhận)
- lôi cuốn sự tham gia tương tác giữa các nhóm có hướng dẫn/ nhân cách hoá
- sử dụng chỗ ăn ở và cơ sở hạ tầng chi phí thấp/trung bình ít tác động
- sử dụng các phương tiện thiết kế và vận hành về mặt sinh thái
- đa vào áp dụng các cơ chế giám sát và đáp ứng
- đóng góp tiền thu được cho chương trình bảo tồn, hay là bộ phận của chương trình.

Một cách thức gìn giữ 'ngành du lịch sinh thái', có quan tâm đến các nguyện vọng của người tiêu dùng là, bất cứ công ty du lịch nào muốn khuyến mại là 'ngành du lịch sinh thái' thì công ty du lịch đó phải được công nhận đạt được ít nhất 7 sao. Lúc đó người tiêu dùng mới có thể tin tưởng hơn vào công ty sẽ đáp ứng các mong muốn của mình. Mức sao đạt càng nhiều, thì ước muốn về du lịch sinh thái đích thực càng cao.

(Crinion: 1993:10)